SỞ Y TẾ THANH HÓA
**BỆNH VIỆN UNG BƯỚU**

Số: 2574 /QĐ-BVUB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thanh Hoá, ngày 10 tháng 11 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua thuốc bổ sung tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026**

## GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN UNG BƯỚU TỈNH THANH HOÁ

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 2487/QĐ-BVUB ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu về việc Phê duyệt phân bổ nguồn vốn gói thầu Mua thuốc bổ sung tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026;*

*Theo đề nghị Tổ tổng hợp đề xuất tại tờ trình số 63/TTr-TTHĐX ngày 03 tháng 11 năm 2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua thuốc bổ sung tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026.*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua thuốc bổ sung tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026, với các nội dung chi tiết theo phụ lục I và phụ lục II đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ Chuyên gia và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 2 QĐ;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA
BỆNH VIỆN UNG BƯỚU TỈNH THANH HÓA

**Trần Văn Thiết**

# PHỤ LỤC I:

## Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm:

## Mua thuốc bổ sung tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2574 /QĐ-BVUB ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa)*

| STT | Tên chủ đầu tư | Tên gói thầu | | Giá gói thầu | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu | Tùy chọn mua thêm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tên gói thầu | Tóm tắt công việc chính của gói thầu | | | | | | | | |
| 1 | Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa | Mua thuốc bổ sung tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026 | Mua thuốc bổ sung tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026 | 1.267.535.000 VNĐ | Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của đơn vị (bao gồm nguồn bảo hiểm y tế, nguồn thu viện phí và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của Bệnh viện) | Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn | 60 ngày | Quý IV năm 2026 | Hợp đồng theo đơn giá cố định | Không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực | Không áp dụng |
| **Tổng giá gói thầu: 1.267.535.000 đồng**<br>*(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).* | | | | | | | | | | | |

# PHỤ LỤC II:

## Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm:

## Mua thuốc bổ sung tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa năm 2026

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2374 /QĐ-BVUB ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hóa)*

| TT | Tên hàng hoá | Thông số kỹ thuật của thuốc | Yêu cầu xuất xứ | Đơn vị tính | Số lượng | Giá kế hoạch (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Lidocain hydroclorid | Tên hoạt chất: Lidocain hydroclorid<br>Nhóm TCKT: 4<br>Nồng độ, hàm lượng: 40mg/2ml<br>Đường dùng: Tiêm/Tiêm truyền<br>Dạng bào chế: Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền | Phù hợp Nhóm thuốc theo Thông số kỹ thuật | Chai/Lọ/ Ống/Túi/ Gói | 10.000 | 460 | 4.600.000 |
| 2. | Neostigmin metylsulfat (bromid) | Tên hoạt chất: Neostigmin metylsulfat (bromid)<br>Nhóm TCKT: 4<br>Nồng độ, hàm lượng: 0,5mg/1ml<br>Đường dùng: Tiêm/Tiêm truyền<br>Dạng bào chế: Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền | Phù hợp Nhóm thuốc theo Thông số kỹ thuật | Chai/Lọ/ Ống/Túi/ Gói | 1.500 | 2.465 | 3.697.500 |
| 3. | Rocuronium bromid | Tên hoạt chất: Rocuronium bromid<br>Nhóm TCKT: 4<br>Nồng độ, hàm lượng: 50mg/5ml<br>Đường dùng: Tiêm/Tiêm truyền<br>Dạng bào chế: Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền | Phù hợp Nhóm thuốc theo Thông số kỹ thuật | Chai/Lọ/ Ống/Túi/ Gói | 2.000 | 41.000 | 82.000.000 |
| 4. | Calci folinat (folinic acid, leucovorin) | Tên hoạt chất: Calci folinat (folinic acid, leucovorin)<br>Nhóm TCKT: 4<br>Nồng độ, hàm lượng: 100mg/10ml<br>Đường dùng: Tiêm/Tiêm truyền<br>Dạng bào chế: Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền | Phù hợp Nhóm thuốc theo Thông số kỹ thuật | Chai/Lọ/ Ống/Túi/ Gói | 10.000 | 14.860 | 148.600.000 |
| 5. | Gemcitabin | Tên hoạt chất: Gemcitabin<br>Nhóm TCKT: 4<br>Nồng độ, hàm lượng: 200mg<br>Đường dùng: Tiêm/Tiêm truyền<br>Dạng bào chế: Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền | Phù hợp Nhóm thuốc theo Thông số kỹ thuật | Chai/Lọ/ Ống/Túi/ Gói | 1.000 | 109.125 | 109.125.000 |

| TT | Tên hàng hoá | Thông số kỹ thuật của thuốc | Yêu cầu xuất xứ | Đơn vị tính | Số lượng | Giá kế hoạch (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6. | Gemcitabin | Tên hoạt chất: Gemcitabin<br>Nhóm TCKT: 4<br>Nồng độ, hàm lượng: 1g<br>Đường dùng: Tiêm/Tiêm truyền<br>Dạng bào chế: Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền | Phù hợp Nhóm thuốc theo Thông số kỹ thuật | Chai/Lọ/ Ống/Túi/ Gói | 500 | 308.125 | 154.062.500 |
| 7. | Pemetrexed | Tên hoạt chất: Pemetrexed<br>Nhóm TCKT: 4<br>Nồng độ, hàm lượng: 100mg<br>Đường dùng: Tiêm/Tiêm truyền<br>Dạng bào chế: Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền | Phù hợp Nhóm thuốc theo Thông số kỹ thuật | Chai/Lọ/ Ống/Túi/ Gói | 600 | 758.000 | 454.800.000 |
| 8. | Pemetrexed | Tên hoạt chất: Pemetrexed<br>Nhóm TCKT: 4<br>Nồng độ, hàm lượng: 500mg<br>Đường dùng: Tiêm/Tiêm truyền<br>Dạng bào chế: Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền | Phù hợp Nhóm thuốc theo Thông số kỹ thuật | Chai/Lọ/ Ống/Túi/ Gói | 300 | 980.000 | 294.000.000 |
| 9. | Abiraterone acetate | Tên hoạt chất: Abiraterone acetate<br>Nhóm TCKT: 2<br>Nồng độ, hàm lượng: 250mg<br>Đường dùng: Uống<br>Dạng bào chế: Viên | Phù hợp Nhóm thuốc theo Thông số kỹ thuật | Viên | 1.800 | 9.250 | 16.650.000 |
| | **Tổng cộng** | | | | | | **1.267.535.000** |